

Số: /ĐA-TV

Quảng Ninh, ngày tháng 8 năm 2023

ĐỀ ÁN
Điều chỉnh mức thu phí thư viện

A. CĂN CỨ PHÁP LÝ

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015 được Quốc hội ban hành;
- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019;
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;
- Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thông tư số 56/2022/T-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND, ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân theo Luật phí và lệ phí, thay thế Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 131/2018/NQ-HĐND, ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/07/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân theo Luật phí và lệ phí.
- Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND, ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa

phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025.

B. SỰ CẦN THIẾT

Năm 2017, thực hiện Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/07/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân theo Luật phí và lệ phí, theo đó mức phí Thư viện được thực hiện: Thẻ đọc, mượn người lớn 40.000đồng/thẻ/năm; Thẻ đọc, mượn trẻ em (dưới 16 tuổi): 20.000đồng/thẻ/năm; Thẻ đọc tài liệu quý hiếm đặc biệt, đa phương tiện, thẻ phòng đọc đặc biệt người lớn: 200.000đồng/thẻ/năm, Thẻ đọc tài liệu quý hiếm đặc biệt, đa phương tiện, thẻ phòng đọc đặc biệt trẻ em: 100.000đồng/thẻ/năm. Từ khi thực hiện việc thu phí thư viện theo Nghị quyết, Thư viện tỉnh đã từng bước cân đối nguồn thu đảm bảo tự chủ 20% kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.

Hiện nay, hệ thống thư viện công cộng trên cả nước phần lớn thực hiện miễn phí đối với việc sử dụng tài nguyên thông tin tại thư viện theo quy định tại Khoản 2, Điều 42 Luật Thư viện. Một số ít thư viện thực hiện thu phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với Thư viện cấp tỉnh) hoặc quy định của Bộ Tài chính (đối với Thư viện Quốc Gia Việt Nam). Mức thu phí đối với bạn đọc người lớn: từ 10.000 - 40.000 đồng/thẻ/năm; bạn đọc thiếu nhi: từ 5.000 - 20.000 đồng/thẻ/năm. Các dịch vụ có thu phí nhằm mục đích đáp ứng đầy đủ, kịp thời hơn nhu cầu của nhân dân về thông tin và thư viện; mở rộng vốn tài liệu, tăng thêm nguồn lực; nâng cấp tiện nghi phục vụ; phát triển và củng cố cơ sở vật chất kỹ thuật của các thư viện.

Thư viện tỉnh là thiết chế văn hóa có vai trò phục vụ cộng đồng. Thực hiện chủ trương tự chịu trách nhiệm, tự chủ một phần kinh phí của các đơn vị sự nghiệp theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, Thư viện tỉnh được giao tự chủ 20% kinh phí. Do tính chất đặc thù ngành nên việc tạo ra các nguồn thu từ dịch vụ rất hạn chế. Nguồn thu từ hoạt động chuyên môn của Thư viện tỉnh chủ yếu từ phí thư viện. Mặt khác Đề án sử dụng tài sản công của đơn vị đã được xây dựng nhưng chưa được phê duyệt, vì vậy không có căn cứ, cơ sở để khai thác dịch vụ, tạo nguồn thu cho đơn vị. Do đó Thư viện tỉnh gặp rất nhiều khó khăn trong việc chi trả lương cho hợp đồng 68, tăng thu nhập cho viên chức người lao động và thực sự là bài toán khó với đơn vị trong quá trình triển khai các hoạt động.

Hiện tại, Luật Thư viện có quy định về việc miễn phí tại thư viện công lập đối với một số hoạt động cũng như miễn các khoản chi phí làm thẻ thư viện cho các đối tượng bạn đọc đặc thù, cụ thể: (1) Tại khoản 2, điều 42, Luật Thư viện Việt Nam quy định quyền của người sử dụng thư viện: 2. *Được miễn phí sử dụng tài nguyên thông tin tại thư viện, mượn theo thời hạn quy định trong nội quy thư viện;* (2) Tại khoản 5, điều 44, Luật Thư viện Việt Nam quy định quyền

của người sử dụng thư viện đặc thù: 5. *Trẻ em, người cao tuổi, thương binh, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được miễn các khoản chi phí làm thẻ thư viện.*

Tuy nhiên, Thư viện tỉnh Quảng Ninh với đặc thù là thư viện đi đầu trong hệ thống thư viện công cộng trên cả nước về việc thực hiện cơ chế tự chủ. Do vậy việc điều chỉnh theo hướng tăng phí thư viện là một trong những giải pháp trước mắt, góp phần tăng nguồn thu, bù đắp một phần kinh phí tự chủ, giảm trừ ngân sách Nhà nước cấp hàng năm, đảm bảo chi trả lương và các chế độ cho viên chức, người lao động, nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc cũng như các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ nhằm tương xứng với mức đầu tư của tỉnh. Đồng thời, qua đó cũng góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của bạn đọc đối với thư viện.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THU PHÍ THƯ VIỆN GIAI ĐOẠN 2017-2022

1. Thực trạng hoạt động của Thư viện tỉnh và thư viện cấp huyện

1.1. Thư viện tỉnh

Thư viện tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Văn hóa và Thể thao, đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Vụ Thư viện, Thư viện quốc gia Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Thư viện tỉnh được đánh giá đứng trong nhóm đầu của hệ thống thư viện công cộng toàn quốc về cơ sở vật chất cũng như tổ chức các hoạt động phát triển phong trào đọc sách, báo trong cộng đồng. Hiện nay, ngoài việc duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ đọc, mượn tài liệu truyền thống, Thư viện chú trọng phát triển nhiều loại hình dịch vụ mới, tăng cường mở nhiều phòng đọc tự chọn và hướng tới việc cho mượn tài liệu trực tuyến. Trung bình mỗi năm phục vụ trên 200.000 lượt bạn đọc, trên 1.000.000 lượt sách báo, luân chuyển.

Từ năm 2015, thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Thư viện tỉnh được giao tự chủ 20% kinh phí hoạt động thường xuyên đồng thời phải tự đảm bảo kinh phí chi trả công tác bảo vệ, kỹ thuật, vệ sinh. Ngày 14/10/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2889/QĐ-UBND về việc giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao giai đoạn 2023-2025, theo đó trong giai đoạn 2023-2025 Thư viện tỉnh tiếp tục được giao tự chủ 20% kinh phí.

Cơ cấu/số lượng bạn đọc của Thư viện tỉnh: Cơ cấu bạn đọc người lớn (từ 16 tuổi trở lên), chủ yếu là cán bộ công chức, viên chức, người lao động tự do, hưu trí, người cao tuổi, học sinh THPT, sinh viên,...: 60%; Cơ cấu bạn đọc là trẻ em (dưới 16 tuổi), là học sinh tiểu học, THCS,...: 40%.

Là một đơn vị sự nghiệp có nguồn thu không lớn, hơn nữa nguồn thu của thư viện hiện tại chủ yếu từ phí thư viện. Mặc dù có rất nhiều cố gắng trong hoạt

động chi ngân sách, thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ nhưng kinh phí được giao thấp (theo định mức số lượng biên chế) trong khi việc chi trả lương, các khoản đóng góp theo lương cho viên chức chiếm 80% kinh phí tự chủ được giao. Thu phí thư viện là một trong những nguồn thu chính tại Thư viện tỉnh. Tuy nhiên tổng số thu từ phí thư viện hàng năm mới đảm bảo được khoảng 2% số kinh phí chi thường xuyên Thư viện tỉnh được giao tự chủ (20%).

Từ năm 2022 thực hiện Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ, kinh phí trả lương cho lao động hợp đồng 68 phải lấy từ nguồn tài chính ngoài quỹ tiền lương hàng năm của đơn vị. Do đó Thư viện tỉnh gặp rất nhiều khó khăn trong việc chi trả lương cho hợp đồng 68, tăng thu nhập cho viên chức người lao động.

2. Thư viện cấp huyện

Tỉnh Quảng Ninh hiện có 13 thư viện cấp huyện, thị xã, thành phố (thư viện cấp huyện) trực thuộc các Trung tâm Truyền thông và Văn hóa huyện.

Hệ thống thư viện cấp huyện cơ bản đã hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được giao; góp phần cùng với các thiết chế văn hóa khác nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn. Tuy nhiên, hoạt động Thư viện huyện còn gặp nhiều khó khăn, cơ sở vật chất trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật thiếu đồng bộ, lạc hậu. Vốn tài liệu của thư viện huyện nhìn chung còn khiêm tốn, nguồn sách mới chủ yếu là sách biếu tặng, sách luân chuyển từ Thư viện tỉnh.

Nguồn kinh phí đầu tư cho thư viện cấp huyện chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển sự nghiệp, riêng Thư viện huyện Cô Tô hiện vẫn chưa được cấp kinh phí hoạt động. Đối tượng bạn đọc thư viện còn ít, cơ cấu bạn đọc người lớn: chủ yếu là cán bộ công chức, viên chức, người lao động tự do, hưu trí, người cao tuổi, học sinh THPT...: 40%; Cơ cấu bạn đọc trẻ em: là học sinh từ cấp tiểu học đến THCS: 60%. Số thẻ bạn đọc trung bình hiện đang sử dụng 200 thẻ/thư viện, số thẻ cấp mới hàng năm trung bình: 50- 300 thẻ/thư viện.

2. Đánh giá tình hình thu phí thư viện giai đoạn 2017-2023

2.1. Thư viện tỉnh

- Tình hình thu phí Thư viện từ năm 2017 đến 6 tháng đầu năm 2023:

Mức thu phí: Thu theo Nghị quyết 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh theo Luật Phí và lệ phí, thay thế Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của HĐND tỉnh.

Nguồn thu chính của Thư viện tỉnh được xác định bao gồm thu phí thư viện và thu từ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2017-2023, nguồn thu từ phí thư viện còn hạn chế. Mức thu phí trung bình gần 60.000.000 đồng/năm, trong đó thu thấp nhất là năm 2021 (42.000.000 đồng) do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, cao nhất là năm 2022 (75.480.000 đồng).

Nguồn thu từ phí thư viện chỉ bù đắp được một phần kinh phí tự chủ đơn vị được giao thực hiện hàng năm.

- Biểu thu phí thư viện giai đoạn 2017-2023:

Năm	Tổng số thẻ bạn đọc	Trong đó				Tổng số tiền thu phí tham quan (nghìn đồng)
		Thẻ có thu phí	Tỷ lệ (%)	Thẻ miễn phí	Tỷ lệ (%)	
2017	2.150	2.000	93	150	7	60.000.000
2018	2.486	2.276	91,6	210	8,4	55.000.000
2019	2.800	2.600	92,9	200	7,1	70.000.000
2020	2.079	1.779	85,6	300	14,4	50.000.000
2021	1.822	1.472	80,8	350	19,2	42.000.000
2022	2.858	2.658	93	200	7	75.480.000
6 tháng đầu năm 2023	2.006	1.846	92	160	8	50.360.000
Tổng	16.201	14.631	90,3	1.570	9,7	402.840.000

- Biểu chi từ nguồn thu phí Thư viện:

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023
I.	Số tiền thu phí thẻ	60	55	70	50	42	75	50,36
II.	Số tiền chi từ nguồn thu phí thẻ							
1.	Chi lương, phụ cấp, tiền công và các khoản đóng góp	55	51	65	47	39	71	43
2.	Vật tư văn phòng phẩm	5	4	5	3	3	4	7,36
III.	Chênh lệch thu chi	0	0	0	0	0	0	0

	= I-II							
IV.	Trích quỹ trong năm	0	0	0	0	0	0	0
V.	Số tiền chuyển sang năm sau	0	0	0	0	0	0	0

2.2. Thư viện cấp huyện

Mức thu phí: Thu theo Nghị quyết 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh theo Luật Phí và lệ phí, thay thế Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của HĐND tỉnh.

STT	Tên phí/lĩnh vực	Mức phí theo Nghị quyết 62/2017/NQ-HĐND (đồng/thẻ/năm)	Ghi chú
1	<i>Phí thẻ sử dụng dịch vụ phòng mượn, đọc</i>		
1.1.	- Đối với người lớn (từ 16 tuổi trở lên)	20.000	
1.2.	- Đối với trẻ em (dưới 16 tuổi)	10.000	
2	<i>Phí thẻ sử dụng phòng đọc đã phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và các phòng đặc biệt khác:</i>		
2.1.	- Đối với người lớn (từ 16 tuổi trở lên)	40.000	
2.2.	- Đối với trẻ em (dưới 16 tuổi)	20.000	

Tuy nhiên do số lượng bạn đọc thư viện cấp huyện còn hạn chế, vốn tài liệu chưa phong phú, mặt khác một số thư viện phục vụ người dân ở vùng sâu, vùng khó khăn nên đa số thư viện phục vụ miễn phí cho bạn đọc, riêng Thư viện thành phố Cẩm Phả và thành phố Uông Bí áp dụng mức thu theo quy định, nhưng nguồn thu từ phí thẻ rất ít, chỉ đảm bảo một phần hoạt động nghiệp vụ thư viện.

Nguồn tài nguyên thư viện: Số vốn tài liệu còn hạn chế. Nguồn sách chủ yếu là sách biếu tặng, sách luân chuyển từ Thư viện tỉnh, ít sách mới bổ sung từ nguồn kinh phí của huyện.

Cơ sở vật chất: Kinh phí đầu tư cho thư viện cấp huyện hàng năm còn ít, thậm chí có thư viện chưa được cấp ngân sách bổ sung sách báo (trung bình hiện nay mỗi thư viện được cấp từ 20.000.000 đồng – 50.000.000 đồng/năm); Trang thiết bị chưa được chú trọng đầu tư, nhiều thư viện cấp huyện chưa ứng dụng được công nghệ thông tin trong quá trình hoạt động.

Số lượng bạn đọc thư viện cấp huyện còn hạn chế, chủ yếu là đối tượng bạn đọc thiếu nhi và người cao tuổi. Việc tăng phí thư viện ở thời điểm hiện tại sẽ khó khăn cho hệ thống thư viện cấp huyện trong việc triển khai các hoạt động củng cố và phát triển văn hóa đọc. Vì vậy, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế tại địa phương, các thư viện cấp huyện đề xuất không điều chỉnh và giữ nguyên mức phí thư viện như hiện tại.

C. NỘI DUNG ĐỀ ÁN ĐIỀU CHỈNH PHÍ THƯ VIỆN

I. PHẠM VI ÁP DỤNG: Mức thu phí thẻ thư viện áp dụng tại Thư viện tỉnh

II. ĐỐI TƯỢNG CHỊU PHÍ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng các dịch vụ tại Thư viện tỉnh

III. ĐƠN VỊ TỔ CHỨC THU PHÍ: Thư viện tỉnh.

IV. MỨC THU PHÍ:

- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng

1. Phương thức thu phí:

Sử dụng phương thức thu phí thư viện bằng biên lai, thu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Căn cứ xây dựng điều chỉnh mức thu:

Việc xác định điều chỉnh mức thu phí thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và Điều 4 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Dự kiến điều chỉnh mức thu đối với Thư viện tỉnh:

STT	Tên phí/Lĩnh vực	Mức phí (đồng/thẻ/năm)		Tỷ lệ tăng	
		Theo Nghị quyết 62/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh	Số tuyệt đối (đồng/thẻ/năm)	Số tương đối
1.	<i>Thẻ sử dụng dịch vụ phòng đọc:</i>				
1.1.	- Đối với người lớn (từ 16 tuổi trở lên)	40.000	50.000	10.000	25%
1.2.	- Đối với trẻ em (dưới 16 tuổi)	20.000	30.000	10.000	50%
2.	<i>Thẻ sử dụng dịch vụ phòng mượn:</i>				
2.1.	- Đối với người lớn (từ 16 tuổi)	40.000	50.000	10.000	25%

	trở lên)				
2.2.	- Đối với trẻ em (dưới 16 tuổi)	20.000	30.000	10.000	50%
3.	<i>Thẻ đọc tài liệu quý hiếm đặc biệt, đa phương tiện, thẻ phòng đọc đặc biệt:</i>				
3.1.	- Đối với người lớn (từ 16 tuổi trở lên)	200.000	200.000	0	0%
3.2.	- Đối với trẻ em (dưới 16 tuổi)	100.000	100.000	0	0%

Thẻ đọc tài liệu quý hiếm đặc biệt, đa phương tiện, thẻ phòng đọc đặc biệt: giữ nguyên mức phí theo Nghị quyết 62/2017/NQ-HĐND:

* *Lý do:* Hiện tại mức thu phí thẻ đọc tài liệu quý hiếm đặc biệt, đa phương tiện, thẻ phòng đọc đặc biệt tại Thư viện tỉnh Quảng Ninh đang ở mức cao so với các Thư viện tỉnh khác (cao nhất là 100.000 đồng/thẻ/năm đối với người lớn, 50.000 đồng/thẻ/năm đối với trẻ em). Mặt khác, trong giai đoạn đầu thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số ngành thư viện trên địa bàn toàn tỉnh, Thư viện tỉnh tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá nguồn tài nguyên thông tin quý hiếm, tài liệu số, tài liệu địa chỉ số hóa thuộc phòng đọc đa phương tiện đồng thời giữ nguyên mức phí làm thẻ nhằm thúc đẩy, khuyến khích bạn đọc, nhân dân, du khách tiếp cận và sử dụng.

Mức thu phí tham khảo của một số Thư viện tỉnh trên toàn quốc (Theo phụ lục gửi kèm).

4. Đối tượng miễn, giảm:

4.1. Miễn phí thư viện đối với các trường hợp:

Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng theo quy định hiện hành.

4.2. Giảm 50% mức thu phí thư viện đối với các trường hợp:

- Người cao tuổi theo quy định tại Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người cao tuổi.

- Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa theo Quyết định số 170/2003/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”.

5. Phương án thu, chi:

5.1. Dự kiến thu:

Dự kiến lượng bạn đọc Thư viện năm 2023 là **3.700** thẻ (áp dụng mức thu cũ); ước năm 2024 số thẻ bạn đọc là 4.000 thẻ; ước năm 2025 số thẻ bạn đọc là **4.200** thẻ, trong đó:

Đơn vị tính: *đồng*

TT	Nội dung	Ước năm 2023	Ước năm 2024	Ước năm 2025	Ghi chú
	TỔNG THU	199.400.000	258.700.000	299.000.000	
I	Thu phí Thẻ thư viện	74.400.000	108.700.000	119.000.000	
1	Thẻ đọc, mượn người lớn (từ 16 tuổi trở lên)	36.000.000	47.500.000	51.000.000	Năm 2023: 40.000đ x 900 thẻ; Từ năm 2024 phí tăng 50.000đ (năm 2024 x 950 thẻ. Năm 2025 x 1020 thẻ)
2	Thẻ đọc, mượn trẻ em (dưới 16 tuổi)	37.600.000	60.000.000	66.000.000	Năm 2023: 20.000đ x 1880 thẻ; Từ năm 2024 phí tăng 30.000đ (năm 2024 x 2000 thẻ, năm 2025 x 2200 thẻ)
3	Thẻ đọc tài liệu quý hiếm đặc biệt, đa phương tiện, thẻ phòng đọc đặc biệt người lớn (từ 16 tuổi trở lên): 200.000đ	800.000	1.200.000	2.000.000	Năm 2023x 4 thẻ; Năm 2024 x 6 thẻ Năm 2025x 10thẻ
4	Thẻ đọc tài liệu quý hiếm đặc biệt, đa phương tiện, thẻ phòng đọc đặc biệt trẻ em (dưới 16 tuổi)	0	0	0	
II	Thu các dịch vụ khác	125.000.000	150.000.000	180.000.000	

5.2. Phương án chi giai đoạn 2023-2025

Đơn vị tính: *đồng*

TT	Nội dung chi	Dự kiến chi năm 2023	Dự kiến chi năm 2024	Dự kiến chi năm 2025
	TỔNG CHI	282.760.000	335.190.000	435.190.000
1	Chi lương và các khoản phụ cấp lương	80.000.000	100.000.000	150.000.000
2	Phúc lợi tập thể	17.000.000	20.000.000	25.000.000

3	Các khoản đóng góp theo lương	15.000.000	20.000.000	30.000.000
4	Vật tư văn phòng	10.000.000	11.000.000	21.000.000
5	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	15.000.000	20.000.000	25.000.000
6	Công tác phí	20.000.000	25.000.000	30.000.000
7	Chi phí thuê mướn (bảo vệ, vệ sinh, chi phí thuê mướn khác)	25.000.000	25.000.000	30.000.000
8	Sửa chữa, duy tu TS phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	25.760.000	30.000.000	34.000.000
9	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	25.000.000	34.190.000	40.190.000
10	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	40.000.000	40.000.000	40.000.000
11	Chi khác	10.000.000	10.000.000	10.000.000
	CHÊNH LỆCH THU CHI	0	0	0

6. Đánh giá tác động của Đề án

Mức phí điều chỉnh chênh lệch không lớn so với Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND (tăng 10.000 đồng/thẻ/năm), do vậy gần như không có sự tác động, ảnh hưởng lớn tới bạn đọc. Mặt khác, việc điều chỉnh phí thư viện sẽ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ tại Thư viện tỉnh cũng như ý thức trách nhiệm của người đọc đối với thư viện và tài nguyên thư viện.

7. Đánh giá hiệu quả của Đề án điều chỉnh thu phí

- So sánh mức thu phí thư viện mới và cũ của Thư viện tỉnh: Dự kiến, với mức điều chỉnh mới về phí thư viện và gia tăng số lượng bạn đọc, tổng nguồn thu từ phí thẻ năm 2023 tăng **thêm 82.280.000 đồng (gấp 2,1 lần)** so với mức thu cũ (số liệu so sánh với năm 2022, là năm có tổng thu phí thẻ cao nhất).

- Đánh giá tác động ảnh hưởng đến bạn đọc: Mức phí điều chỉnh chênh lệch không lớn so với Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND (tăng 10.000 đồng/thẻ/năm), do vậy gần như không có sự tác động, ảnh hưởng lớn tới bạn đọc. Mặt khác, việc điều chỉnh phí thư viện sẽ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ tại Thư viện tỉnh cũng như ý thức trách nhiệm của người đọc đối với thư viện và tài nguyên thư viện.

V. CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN THU PHÍ THƯ VIỆN

Nguồn thu từ phí thư viện được giữ lại sử dụng 100% để đảm bảo một phần kinh phí tự chủ được giao hàng năm của Thư viện tỉnh.

Thư viện tỉnh có trách nhiệm niêm yết và thông báo công khai mức thu tại địa điểm thu phí và trên các phương tiện thông tin đại chúng; Tổ chức thu, quản lý và sử dụng tiền thu phí theo đúng các quy định hiện hành.

VI. THỜI ĐIỂM ÁP DỤNG

Thời gian thực hiện điều chỉnh phí thư viện từ ngày 01/01/2024.

Trên đây là Đề án điều chỉnh mức thu phí thư viện. Kính đề nghị Sở Văn hóa và Thể thao trình UBND tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở VH TT (b/c);
- BGĐ Thư viện;
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC

Bùi Thúy Hải